TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 – P**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 07/2026/QĐCNTTLH	*Phú Thọ, ngày 08 tháng 01 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 314/2025/TLST/HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2025; giữa:

- Nguyên đơn: Anh Bùi Văn Q, sinh ngày 19/10/1989;

Căn cước công dân số: 017089008300

Nơi cư trú: Xóm D, xã K, tỉnh P,

- Bị đơn: Chị Trần Thị T, sinh ngày 15/6/1986;

Căn cước công dân số: 019186003503

Nơi cư trú: Xóm D, xã K, tỉnh P,

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, d khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Toà án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 12 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và hoà giải thành của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 12 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Bùi Văn Q và chị Trần Thị T

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ Hôn nhân: Anh Bùi Văn Q và chị Trần Thị T, thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Bùi Văn Q tự nguyện nộp 150.000 *(Một trăm năm mươi nghìn)* đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng, trả lại anh Bùi Văn Q 150.000 *(Một trăm năm mươi nghìn)* đồng theo biên lai thu số: 0006243, ngày 02/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

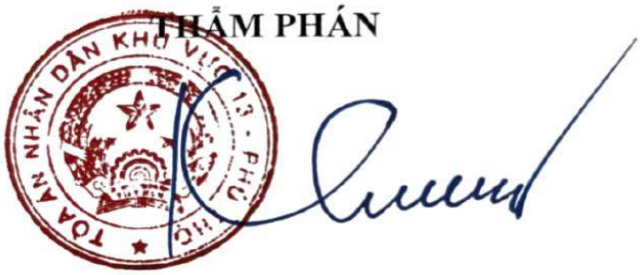
3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh P;
- VKSND KV 13 – P;
- THADS tỉnh P;
- UBND xã K (Nơi ĐK kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Nguyễn Kim Lượng

THẨM PHÁN



Nguyễn Kim Lượng